

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: **149/2018/DS-PT**

Ngày: 30/8/2018

V/v: “Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Vũ Thị Thu**

Các thẩm phán: Ông **Ngô Thanh Sỹ**

Bà **Phan Thị Thu Hương**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Trần Thị Mỹ Thuận** – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh ĐN.

-Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh ĐN tham gia phiên tòa: Ông **Nguyễn Đình Thắng** - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 8 năm 2018 tại Tòa án nhân dân tỉnh ĐN xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 74/2018/TLPT-DS ngày 02 tháng 7 năm 2018 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 13/2018/DS-ST ngày 04/5/2018 của Tòa án nhân dân huyện NT, tỉnh ĐN bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 160/2018/QĐ-PT ngày 17 tháng 7 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 333/2018/QĐ-PT ngày 17 tháng 8 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Trần Thị C**, sinh năm 1955.

Trú quán: ấp 5, xã LT, huyện NT, tỉnh ĐN.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông **Nguyễn Duy T**, sinh năm 1974 (văn bản ủy quyền ngày 23/10/2017).

Trú quán: Số nhà 6/12, khu phố 4, phường TM, thành phố BH, tỉnh ĐN.

- Bị đơn: Ông **Trần Thiện T**, sinh năm 1957

Bà **Võ Thị L**, sinh năm 1958.

Cùng trú quán: ấp 5, xã LT, huyện NT, tỉnh ĐN.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông **Lê Huy H**, sinh năm 1982 (văn bản ủy quyền ngày 20/11/2017).

Địa chỉ: Tổ 7, ấp 1, xã LT, huyện NT, tỉnh ĐN.

(Bà C, bà L có mặt; ông T vắng mặt; ông H có đơn xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm:

****Nguyên đơn bà Trần Thị C do ông Nguyễn Duy Đại diện trình bày:***

Bà Trần Thị C và ông Trần Thiện T, bà Võ Thị L cùng trú tại ấp 5, xã LT, huyện NT, tỉnh ĐN nên quen biết nhau. Vào năm 2013, ông T, bà L cần tiền làm ăn nên đã nhiều lần vay tiền của bà C, sau đó tổng kết lại thì ông T, bà L vay của bà C tổng cộng 465.000.000đ. Ngày 15/7/2013, bà C và ông T, bà L đến Phòng công chứng An Hòa, tỉnh ĐN công chứng hợp đồng vay tài sản, số công chứng 3921/2013, quyền số 10/2013TP/CC-SCC/HĐGD. Thời hạn vay là 02 năm kể từ ngày 15/7/2013. Khi cho vay tiền, hai bên có thỏa thuận miệng lãi suất 3%/tháng, nhưng từ khi ký hợp đồng vay ngày 15/7/2013 đến nay ông T, bà L chưa trả cho bà C khoản tiền gốc, lãi nào. Việc vay tiền các bên không cầm cố, thế chấp tài sản gì.

Nay nguyên đơn yêu cầu bị đơn ông T, bà L trả số nợ gốc là 465.000.000đ và tiền lãi theo mức lãi suất 0,75%/tháng tính từ ngày 15/7/2013 đến ngày xét xử sơ thẩm.

**** Bị đơn ông Trần Thiện T, bà Võ Thị L do ông Lê Huy H đại diện trình bày:***

Vào năm 2013, bà Võ Thị L và ông Trần Thiện T có vay của bà Trần Thị C số tiền là 165.000.000đ nhưng không lập thành văn bản, hai bên thỏa thuận lãi suất là 3%/tháng. Bà L đã trả tiền lãi cho bà C đến tháng 12/2015 thì ngưng không trả nữa. Việc vay tiền không có thế chấp.

Nguyên đơn khởi kiện và cung cấp 01 hợp đồng vay tiền được Văn phòng công chứng An Hòa công chứng ngày 15/7/2013 có chữ ký chữ viết của ông T, bà L thì ông T, bà L xác định có ký vào 01 hợp đồng vay năm 2014 do con rể bà C là anh Nghị đưa đến nhà ông T bà L ký, không phải ký vào năm 2013 tại Văn phòng công chứng An Hòa.

Nay nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ông T bà L trả 465.000.000đ tiền gốc và lãi thì ông T, bà L chỉ đồng ý trả 165.000.000đ. Ông T, bà L yêu cầu Tòa án áp dụng thời hiệu khởi kiện đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 13/2018/DS-ST ngày 04/5/2018 của Tòa án nhân dân huyện NT đã tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị C đối với bị đơn ông Trần Thiện T, bà Võ Thị L về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Buộc ông Trần Thiện T và bà Võ Thị L có trách nhiệm trả cho bà Trần Thị C tổng số tiền nợ theo hợp đồng vay ngày 15/7/2013 là 665.996.250đ (sáu trăm sáu mươi lăm triệu chín trăm chín mươi sáu nghìn hai trăm năm mươi

đồng). Trong đó, tiền nợ gốc là 465.000.000đ (Bốn trăm sáu mươi lăm triệu đồng) và tiền lãi là 200.996.250đ (hai trăm triệu chín trăm chín mươi sáu nghìn hai trăm năm mươi đồng).

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 15/05/2018, ông Lê Huy H là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Trần Thiện T, bà Võ Thị L kháng cáo chỉ đồng ý trả nguyên đơn số tiền gốc 165.000.000 đồng. Về lãi suất, bị đơn không đồng ý trả vì hợp đồng vay hết thời hiệu khởi kiện, hoặc đề nghị hủy toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm do cấp sơ thẩm vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, đường lối xét xử không đảm bảo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh ĐN phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Người tham gia tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Theo hợp đồng vay ngày 15/7/2013 giữa bà Trần Thị C với ông Trần Thiện T, bà Võ Thị L thể hiện ông T, bà L vay của bà C 465.000.000đ. Biên bản ghi lời khai ngày 06/11/2017 bà L cũng thừa nhận việc này, nên việc ông H đại diện theo ủy quyền của bị đơn kháng cáo cho rằng bị đơn chỉ vay của nguyên đơn 165.000.000đ là không có căn cứ. Tại phiên tòa phúc thẩm, bà L không yêu cầu xem xét thời hiệu khởi kiện, mà chỉ đề nghị giảm một phần tiền lãi và nguyên đơn đồng ý giảm 50.000.000đ, ngoài ra nguyên đơn còn thừa nhận bị đơn đã trả được 10.000.000đ tiền gốc, nên đề nghị Hội đồng xét xử sửa án sơ thẩm, ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn giảm số tiền gốc, lãi bị đơn phải trả.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn ông Trần Thiện T, bà Võ Thị L kháng cáo đã đóng tạm ứng án phí, nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

Ông Lê Huy H đại diện theo ủy quyền của bị đơn có đơn xét xử vắng mặt, căn cứ Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt ông H.

[2] Xét kháng cáo của bị đơn về số tiền nợ gốc: Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn bà C và bị đơn bà L thống nhất số tiền bị đơn vay của nguyên đơn là 465.000.000đ, đúng như hợp đồng vay ngày 15/7/2013 nguyên đơn cung cấp, nên đây là tình tiết sự kiện không cần chứng minh theo khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn thừa nhận chưa trả tiền gốc, nên đồng ý trả hết số nợ 465.000.000đ, nhưng nguyên đơn cho rằng bị đơn đã trả được 10.000.000đ tiền

gốc vào tháng 12/2015, nên nay chỉ yêu cầu bị đơn trả số tiền 455.000.000đ. Yêu cầu của nguyên đơn là chính đáng, phù hợp pháp luật và có lợi cho bị đơn, nên buộc bị đơn trả nguyên đơn số tiền gốc còn nợ là 455.000.000đ (Bốn trăm năm mươi lăm triệu đồng).

[3] Xét kháng cáo của bị đơn yêu cầu áp dụng thời hiệu khởi kiện và lãi suất, nhận thấy: Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn bà L không đề nghị áp dụng thời hiệu khởi kiện, mà chỉ đề nghị xem xét giảm một phần tiền lãi do bị đơn đang khó khăn về kinh tế, đồng thời đề nghị tính thời lại thời gian trả lãi vì bị đơn đã trả lãi được đến tháng 12/2015. Việc thay đổi yêu cầu kháng cáo của bị đơn là tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật, nên Hội đồng xét xử chấp nhận không xem xét về thời hiệu khởi kiện. Đối với yêu cầu của bà L đề nghị tính lại thời gian trả lãi: bà C không thừa nhận lời khai này và bà L không cung cấp được chứng cứ chứng minh đã trả lãi đến tháng 12/2015, nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bà L. Tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn tự nguyện trừ cho bị đơn 50.000.000đ tiền lãi, sự tự nguyện này phù hợp với pháp luật và có lợi cho bị đơn, nên Hội đồng xét xử ghi nhận. Cụ thể tiền lãi bị đơn còn nợ và phải trả nguyên đơn là: $455.000.000đ \times 0,75\%/tháng \times 57$ tháng 19 ngày (từ ngày 15/7/2013 đến ngày xét xử sơ thẩm) = 196.673.750 – 50.000.000đ = 146.673.750đ. Như vậy bà L, ông T phải trả bà C tiền lãi là 146.673.750đ (Một trăm bốn mươi sáu triệu sáu trăm bảy mươi ba ngàn bảy trăm năm mươi đồng).

Tổng cộng tiền gốc, lãi bà L ông T phải trả bà C là: 455.000.000đ + 146.673.750đ = 601.673.750đ (Sáu trăm lẻ một triệu sáu trăm bảy mươi ba ngàn bảy trăm năm mươi đồng).

[4] Về án phí: Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn có đơn xin miễn án phí do đã cao tuổi, không còn khả năng lao động tạo thu nhập. Căn cứ Điều 2 Luật người cao tuổi số 39 ngày 23/11/2009 và điểm đ khoản 1 điều 12 nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, miễn án phí dân sự sơ thẩm cho bị đơn.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh ĐN tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, nên chấp nhận.

Vì những lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự, sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm số 13/2018/DS-ST ngày 04/5/2018 của Tòa án nhân dân huyện NT do sự tự nguyện của đương sự và tình tiết mới tại phiên tòa phúc thẩm.

Áp dụng Điều 471, 474, 476, 478 Bộ luật dân sự 2005; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị C đối với bị đơn ông Trần Thiện T - bà Võ Thị L về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Xử buộc ông Trần Thiện T và bà Võ Thị L có trách nhiệm trả cho bà Trần Thị C tổng số tiền nợ gốc lãi là: 601.673.750đ (Sáu trăm lẻ một triệu sáu trăm bảy mươi ba ngàn bảy trăm năm mươi đồng). Trong đó, số tiền nợ gốc là 455.000.000đ (Bốn trăm năm mươi lăm triệu đồng), số tiền lãi là 146.673.750đ (Một trăm bốn mươi sáu triệu sáu trăm bảy mươi ba ngàn bảy trăm năm mươi đồng).

2. Về án phí:

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho bị đơn.

Hoàn trả cho nguyên đơn bà Trần Thị C số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 13.300.000đ (Mười ba triệu ba trăm ngàn đồng) theo biên lai số 001969 ngày 26/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện NT, tỉnh DN.

- Về án phí dân sự phúc thẩm: Bị đơn không phải chịu án phí phúc thẩm. Hoàn trả lại cho bị đơn số tiền 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) đã nộp theo biên lai số 003719 ngày 23/5/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện NT, tỉnh DN.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của những người được thi hành án cho đến khi thi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND huyện NT;
- VKSND tỉnh DN;
- Chi cục THADS huyện NT;
- Đương sự trong vụ án;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Thị Thu